

ĐẢNG ỦY CHÍNH PHỦ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 03-NQ/ĐU

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số:.....5435.9.....
Ngày: 07-05-2026
Chuyên.....

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CHÍNH PHỦ

cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Đảng ủy Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; các Nghị quyết và Kết luận số 18-KL/TW, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;
- Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 23/01/2026 của Bộ Chính trị về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;
- Căn cứ các Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV;
- Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”;
- Theo đề nghị của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ và Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Cập nhật, bổ sung và ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Đảng ủy Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; các Nghị quyết và Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với mục tiêu tăng trưởng “2 con số” (sau đây gọi tắt là *Chương trình hành động*).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Chương trình hành động số 09-CTr/ĐU, ngày 19/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Các nội dung đã thực hiện theo Chương trình hành động số 09-CTr/ĐU, ngày 19/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Chương trình hành động này.

Trong quá trình thực hiện, Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ căn cứ các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Đảng ủy Chính phủ hằng năm quyết định bổ sung, điều chỉnh nội dung Chương trình hành động phù hợp với tình hình thực tiễn./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Đ/c BTĐU, TTgCP,
- Các đ/c Phó Bí thư Đảng ủy Chính phủ,
- Các đồng chí Thường trực, UVBTV, UVBCH Đảng bộ Chính phủ,
- Các ban Đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ủy ban Kiểm tra TW,
- Văn phòng Tổng Bí thư,
- Các đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy trực thuộc Đảng bộ Chính phủ,
- Các CQTMGV của Đảng ủy Chính phủ,
- Lưu VT, VPĐUCP (5). 66



**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**

Lê Minh Hưng



ĐẢNG ỦY CHÍNH PHỦ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CHÍNH PHỦ
thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các Nghị quyết và Kết luận
số 18-KL/TW, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV
(Kèm theo Nghị quyết số 03-NQ/ĐU, ngày 29/4/2026
của Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Chương trình hành động số 09-CTr/ĐU, ngày 19/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

2. Cụ thể hóa các Nghị quyết, Quy định Hội nghị lần thứ hai và Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”; bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy Chính phủ, các đảng ủy trực thuộc Đảng bộ Chính phủ.

3. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng; vai trò kiến tạo phát triển của Chính phủ; giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và từng người dân. Phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nhất là ban thường vụ, thường trực, đồng chí bí thư cấp ủy. Giữ vững nguyên tắc kỷ luật, kỷ cương và sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ Chính phủ, coi đây là yếu tố then chốt nhằm nâng cao toàn diện năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực hiện của các cấp ủy đảng trong Đảng bộ. Mọi quyết sách phải có tính tổng thể, bao trùm, trong đó, đặc biệt chú trọng 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược; với phương châm hành động “Đoàn kết, kỷ cương

- Dân chủ, đổi mới - Đột phá, phát triển - Gắn dân, vì dân”; phải chuyển đổi căn bản tư duy phát triển từ phân bổ nguồn lực sang kiến tạo, dẫn dắt và kích hoạt nguồn lực; dịch chuyển từ vai trò đầu tư trực tiếp sang vai trò thiết kế và tạo lập môi trường để mọi nguồn lực trong xã hội được huy động và phân bổ theo tín hiệu thị trường, dưới khuôn khổ thể chế minh bạch, ổn định, thúc đẩy sự phát triển bảo đảm đạt tăng trưởng kinh tế 2 con số.

4. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương cụ thể hóa các chương trình, đề án, kế hoạch được giao phải đặc biệt chú trọng vào những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, đồng bộ, phù hợp với thực tế; phân công rõ tập thể và cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện, xác định rõ lộ trình và thời gian hoàn thành với phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”, tính khả thi, thiết thực, hiệu quả để triển khai thực hiện. Lấy kết quả thực hiện Chương trình hành động là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ gắn với công tác thi đua, khen thưởng hằng năm và cả nhiệm kỳ của các cấp ủy, tổ chức đảng, bí thư cấp ủy và người đứng đầu các bộ, ngành, lãnh đạo các đơn vị, tập thể lãnh đạo Chính phủ và các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ.

II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. 100% đảng viên được nghiên cứu, học tập, quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị và Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Đảng ủy Chính phủ.

2. 100% các đảng ủy trực thuộc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch, đề án thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong nhiệm kỳ.

3. 100% cấp ủy, tổ chức đảng có kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt các quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chương trình, kế hoạch về công tác tuyên giáo và dân vận, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể hằng năm trong cơ quan, đơn vị. Quán triệt và thực hiện nghiêm Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị tư tưởng trong Đảng.

4. 100% cấp ủy, chi bộ các cấp xây dựng, rà soát, bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc, quy chế phối hợp công tác (nếu có) giữa cấp ủy với tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị; xây dựng chương trình làm việc của cấp ủy, ủy ban kiểm tra toàn khóa và hằng năm.

5. 100% bí thư chi bộ và cấp ủy viên cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác đảng ít nhất một lần/nhiệm kỳ. Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm trong giai đoạn 2025 - 2030 đạt từ 3% tổng số đảng viên trở lên.

6. Hằng năm, phần đầu 100% đảng bộ trực thuộc được đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; có từ 90% tổ chức đảng và 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó, có 20% tổ chức đảng và đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

7. 100% các đảng ủy trực thuộc có kế hoạch, biện pháp cụ thể thực hiện chuyển đổi số trong công tác đảng.

8. Quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết và Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để phần đầu đạt mục tiêu tăng trưởng “2 con số” gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng

1.1. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; tăng cường công tác dân vận và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội

1.1.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Tiếp tục củng cố bản lĩnh chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ Chính phủ; giữ vững mục tiêu, lý tưởng của Đảng; vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới và các nguyên tắc cơ bản trong công tác xây dựng Đảng.

Nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, chương trình, đề án của Đảng ủy Chính phủ; kịp thời thể chế hóa các chủ trương của Ban Chấp hành, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch của Chính phủ và các bộ, ngành. Chủ động, kịp thời tổ chức tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương khóa XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Chính phủ.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đóng góp luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ Đề án tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2030) và tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoàn thiện đường lối của Đảng, hệ thống thể chế, pháp luật trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết; đánh giá năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; rà soát, hoàn thiện cơ chế phối hợp, khắc phục tình trạng chồng chéo trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

1.1.2. Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng trong Đảng bộ Chính phủ theo hướng ứng dụng công nghệ số và các phương thức truyền thông đa phương tiện. Triển khai thực hiện “Chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyên đổi số”.

Đẩy mạnh giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

Nâng cao chất lượng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Chủ động định hướng dư luận, xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp phát sinh; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; nâng cao hiệu quả quản lý thông tin trên báo chí, truyền thông và không gian mạng. Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong đó “xây” là cơ bản, chiến lược, lâu dài; kiên định, chủ động, linh hoạt trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo phương châm: Chủ động - Kịp thời - Linh hoạt - Sáng tạo - Hiệu quả.

1.1.3. Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức

Chỉ đạo rà soát, bổ sung, hoàn thiện chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu. Gắn việc rèn luyện đạo đức với xây dựng văn hóa công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới; tổ chức quán triệt chuyên đề toàn khóa về học tập và làm theo Bác trong nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng; triển khai thực hiện phong trào nêu gương trong toàn Đảng bộ với cam kết chính trị, đạo đức cá nhân hằng năm.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện đạo đức công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ; xây dựng Đảng bộ Chính phủ trong sạch, vững mạnh, thực sự là đạo đức, là văn minh trong kỷ nguyên mới.

1.1.4. Tăng cường công tác dân vận và lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, nhất là dân vận chính quyền (các nội dung cốt lõi về công tác dân vận trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng).

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao nhận thức,

trách nhiệm, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của các cấp ủy đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với công tác dân vận. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham mưu công tác dân vận trong các cấp ủy thuộc Đảng bộ Chính phủ; tăng cường năng lực nắm bắt tình hình, kỹ năng vận động, đối thoại; thực hiện hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo, góp phần củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

Thực hiện các cơ chế bảo đảm phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trong xây dựng luật pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú; thực hiện nghiêm Quy chế công tác dân vận, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định có liên quan.

Gắn công tác dân vận với cải cách hành chính, chuyên đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ công; xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Chính phủ trong sạch, vững mạnh, xung kích, đổi mới sáng tạo, tham gia thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng trọng tâm, thực chất và hiệu quả. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức chính trị - xã hội trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực góp phần xây dựng Đảng, cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị. Thực hiện có hiệu quả phong trào “Dân vận khéo”, các hoạt động an sinh xã hội.

Lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các kiến nghị của Nhân dân ngay từ cơ sở; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Nhân dân và doanh nghiệp.

1.2. Lãnh đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng

1.2.1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng

Chỉ đạo 100% cấp ủy trực thuộc xây dựng quy chế làm việc theo quy định.

Chỉ đạo đảng ủy các bộ, ngành nghiên cứu, đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành quy chế phối hợp liên thông giữa đảng ủy các bộ, ngành Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy để thống nhất trong công tác phối hợp, lãnh đạo, chỉ đạo công tác cán bộ; công tác thực thi công vụ tại các địa phương, đơn vị.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân cấp, phân quyền mạnh mẽ của Đảng

Ủy Chính phủ với đảng ủy các bộ, ngành, cơ quan nhằm tăng cường tính chủ động, chịu trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ chính trị tại các bộ, ngành, cơ quan; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai các quy định mới về phân cấp, phân quyền.

1.2.2. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Tham mưu, góp ý với Trung ương để góp phần hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác, quy chế làm việc của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ mới; hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cấp ủy địa phương nơi doanh nghiệp thành viên trú đóng với Đảng ủy Công ty mẹ - Tập đoàn, doanh nghiệp ở cấp cơ sở.

Quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện nghiêm Quy định số 20-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 về thi hành Điều lệ Đảng; Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư; Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW, ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương, Kế hoạch số 06-KH/ĐU, ngày 26/11/2025 của Đảng ủy Chính phủ về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới; Hướng dẫn số 03-HD/ĐU, ngày 13/02/2026 của Đảng ủy Chính phủ về đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đặc biệt là sinh hoạt chuyên đề gắn với triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; Bám sát các quy định, hướng dẫn của Trung ương để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng sinh hoạt mang hình thức đối phó.

Đổi mới hình thức sinh hoạt Đảng phù hợp, tạo điều kiện cho đảng viên ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt, chi bộ đông đảng viên thực hiện việc sinh hoạt Đảng theo Điều lệ.

Tăng cường ứng dụng, phát triển hệ thống quản lý công việc nội bộ của Đảng trên nền tảng số theo chỉ đạo của Trung ương. Thực hiện làm sạch cơ sở dữ liệu đảng viên, bảo đảm đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất; đẩy mạnh triển khai sổ tay đảng viên điện tử; thúc đẩy nhanh công tác chuyển đổi số trong đảng bộ, nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên, tạo sự kết nối kịp thời, nhanh chóng giữa cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên.

Xây dựng kế hoạch hằng năm để tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng đảng cho cán bộ tham mưu, giúp việc công tác tổ chức xây dựng đảng các cấp.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên, đặc biệt trong đội ngũ trí thức, học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp.

1.2.3. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trong Đảng bộ Chính phủ đáp ứng

yêu cầu giai đoạn hiện nay, trọng tâm là cán bộ cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu

Tiếp tục thực hiện nghiêm quy trình, quy định về công tác cán bộ: chú trọng đào tạo cán bộ theo chức danh, quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, miễn nhiệm, từ chức, thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ phù hợp với yêu cầu mới; chú trọng việc đánh giá cán bộ bảo đảm dân chủ, công khai, công tâm, khách quan, theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác quản lý cán bộ, đảng viên.

Tăng cường tự phê bình, phê bình, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm; chủ động phát hiện, ngăn chặn suy thoái, tiêu cực, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Thực hiện nghiêm việc đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý hàng quý, năm theo quy định của Bộ Chính trị.

Lãnh đạo, chỉ đạo giao các cơ quan liên quan nghiên cứu, cụ thể hóa một số nội dung trọng tâm: (i) Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư; phát hiện, tuyển chọn, đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc, cán bộ khoa học kỹ thuật; triển khai cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; (ii) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, trong đó đặc biệt chú trọng tiêu chuẩn hoá, trẻ hoá, chuyên môn hoá và gắn với quy hoạch, đào tạo liên thông; (iii) Xây dựng cơ chế đặc thù để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá các ngành khoa học, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi; (iv) Từng bước xây dựng “Hệ thống chấm điểm năng lực cán bộ” trên nền tảng số, tích hợp dữ liệu về kết quả công tác, sản phẩm đầu ra, chỉ số tín nhiệm và ý kiến phản hồi đa chiều; (v) Xây dựng cơ chế đặc thù về thu nhập, môi trường làm việc, đề bạt, bổ nhiệm để thu hút, sử dụng các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, doanh nhân công nghệ, nhân tài là người Việt Nam ở nước ngoài; (vi) Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ cơ sở ở các bộ, ngành.

1.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

1.3.1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026

về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07/4/2026 về đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và Nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các chương trình, đề án, mục tiêu quốc gia; việc tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp; việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; về phát triển kinh tế - xã hội; việc tổ chức thực hiện các đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất khác khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng gắn với kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Hoàn thiện mô hình, cơ chế hoạt động, kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra và năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp. Hằng năm tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác kiểm tra, giám sát và công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong toàn đảng bộ.

Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đổi mới phương pháp, cách thức tiến hành kiểm tra, giám sát, chuyển trọng tâm sang công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm để phát hiện các nguy cơ dẫn đến sai phạm; chú trọng giám sát thường xuyên, nâng cao hiệu quả giám sát chuyên đề, chuyển từ “bị động” sang “chủ động”, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thực hiện “giám sát, kiểm tra trên dữ liệu”.

Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tiếp tục thực hiện toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ cấp trên giao; tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và hằng năm gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị.

- Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường giám sát, nắm chắc tình hình tổ chức đảng, đảng viên, chủ động, kịp thời phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; tập trung giải quyết dứt điểm đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, nhất là những đơn, thư liên quan đến cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy; kịp thời xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm theo thẩm quyền.

- Đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng để phòng ngừa, phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét

xử và giám sát xã hội. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém đã được chỉ ra sau kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán.

1.3.2. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 01/4/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới. Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp và thường xuyên của Đảng ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc, hành vi vi phạm về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng văn hóa liêm chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ 2025-2030 và hằng năm với phương châm kiên quyết, kiên trì, thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ, với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt; xác định phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá; bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; tập trung hoàn thiện thể chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực sự bản lĩnh theo phương châm “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng. Xây dựng văn hóa liêm chính trong Đảng bộ Chính phủ.

Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và quy chế về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, công tác cán bộ theo quy định.

Đẩy mạnh tuyên truyền về văn hoá liêm chính; phổ biến các văn bản quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công khai kết quả xử lý các vụ việc theo quy định.

1.4. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp

Chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tham mưu, đề xuất và chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, thể chế hóa đầy đủ chính sách, pháp luật của Nhà nước, để thể chế thực sự là đột phá của đột phá, giải quyết tốt những vấn đề thực tiễn nảy sinh, trọng tâm là Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng; các chương trình, đề án, kế hoạch của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy

Chính phủ và của cấp ủy cấp mình, bảo đảm rõ trọng tâm, rõ nguồn lực, rõ kết quả, nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu, phát huy hiệu quả vai trò hạt nhân lãnh đạo; giữ vững và thực hiện nghiêm 5 nguyên tắc, 5 phương thức lãnh đạo của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy các cấp theo hướng quy định chặt chẽ nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác; đẩy mạnh phân cấp, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, vai trò nêu gương của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu các cấp.

Đổi mới phương pháp, phong cách lãnh đạo của các cấp ủy theo hướng linh hoạt, điều hành hiệu quả thông qua công nghệ, dữ liệu số. Triển khai thí điểm ứng dụng thử nghiệm có kiểm soát trí tuệ nhân tạo (AI) trong một số mặt công tác đảng. Tổ chức vận hành có hiệu quả Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý công việc nội bộ của cơ quan, đơn vị trên nền tảng số thông minh, có chức năng giám sát kết quả thực hiện theo thời gian thực phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp với hệ điều hành tác nghiệp của Đảng và các nền tảng số khác; định kỳ tổ chức sơ kết mô hình chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị.

2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về tài chính quốc gia, vay trả nợ công, đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030

Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt, kịp thời các nhiệm vụ được giao tại mục II, III và các phụ lục kèm theo của Nghị quyết số 109/NQ-CP, ngày 16/4/2026 của Chính phủ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động này và rà soát, bổ sung, cập nhật vào Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Chính phủ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, các chương trình công tác nhiệm kỳ và hằng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện thắng lợi các nghị quyết.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động nghiên cứu, tham mưu, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung các nhiệm vụ được giao về công tác xây dựng Đảng trong Chương trình hành động này (*Phụ lục kèm theo*). Kịp thời tham mưu, đề xuất, xây dựng, cập nhật chương trình công tác toàn khóa và hằng năm của Đảng

ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, tham mưu, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện; Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ bổ sung vào Chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ nhiệm kỳ và hằng năm việc thực hiện Chương trình hành động này.

3. Các đảng ủy trực thuộc lãnh đạo, chỉ đạo bộ, ngành, cơ quan chủ động, khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác xây dựng Đảng của đảng bộ bảo đảm trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động của cấp ủy nhiệm kỳ và hằng năm. Chỉ đạo cập nhật, bổ sung, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV; Nghị quyết của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW, ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số” (Nghị quyết số 109/NQ-CP, ngày 16/4/2026 của Chính phủ); hoàn thành trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo; các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực; chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, các nhiệm vụ được giao định kỳ báo cáo Đảng ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Chính phủ kết quả thực hiện theo quy định và yêu cầu.

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

A. XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
I	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng Đảng về chính trị				
1	Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết Trung ương khóa XIV, Nghị quyết của Đảng ủy Chính phủ	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các đảng ủy trực thuộc	Hàng năm	Ban Thường vụ
2	Tham gia Đề án tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2030) và tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan, các đảng ủy	2027, 2030	Ban Thường vụ
II	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận				
3	Triển khai cụ thể hóa Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng; Kết luận số 231-KL/TW, ngày 08/01/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 09/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về “Công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”.	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các đảng ủy trực thuộc	Hàng năm	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương
4	Xây dựng kế hoạch công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ủy Chính phủ	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các đảng ủy trực thuộc	Hàng năm	Ban Thường vụ

5	Kiến toàn đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các đảng ủy trực thuộc	2026	Ban Thường vụ
6	Đề án “Tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phòng ngừa, đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc trên không gian mạng của Đảng ủy Chính phủ giai đoạn 2025 - 2030”	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Chỉ đạo 35
7	Kết luận về “Đổi mới công tác truyền thông chính sách và tuyên truyền thông tin tích cực, phòng ngừa, đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của Đảng ủy Chính phủ trong tình hình mới”	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	2026	Ban Thường vụ
8	Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo 35 Đảng ủy Chính phủ	Ban Chỉ đạo 35	Các cơ quan liên quan	2027, 2030	Ban Chỉ đạo 35
III Nhóm nhiệm vụ về xây dựng Đảng về đạo đức					
9	Xây dựng Kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các đảng ủy trực thuộc	2026	Ban Thường vụ
10	Hướng dẫn về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các đảng ủy trực thuộc	Theo KH của TW	Ban Thường vụ
IV Nhóm nhiệm vụ về công tác dân vận và các tổ chức chính trị - xã hội					
11	Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội theo mô hình tổ chức mới, hướng mạnh về cơ sở	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan, các đảng ủy	Thực hiện thường xuyên	
12	Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	Thực hiện thường xuyên	

13	Ban hành văn bản chỉ đạo của Đảng ủy Chính phủ về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội.	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ban Thường vụ
14	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong tình hình mới.	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ban Thường vụ
15	Đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về dân tộc, tôn giáo, tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo; nắm chắc tình hình Nhân dân, có cơ chế đặc thù, hiệu quả để theo dõi, tổng hợp tình hình Nhân dân, dân tộc, tôn giáo, các giai tầng xã hội, các vấn đề bức xúc trong Nhân dân; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện xử lý dứt điểm những điểm nóng, vụ việc phức tạp	Đảng ủy Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các cơ quan liên quan, các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên	
16	Ban hành văn bản triển khai Kết luận của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ban Thường vụ
17	Ban hành Quy chế công tác dân vận Đảng ủy Chính phủ (sửa đổi, bổ sung)	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	Sau khi Trung ương tổng kết Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị và ban hành văn bản mới	Ban Thường vụ

18	Nghiên cứu tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	Đảng ủy Bộ Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	
19	Ban hành văn bản triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan, các đảng ủy	Năm 2026, Thực hiện thường xuyên	Ban Thường vụ
20	Ban hành văn bản của Đảng ủy Chính phủ về đẩy mạnh công tác dân vận, nhất là công tác dân vận chính quyền, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan	Năm 2026	Ban Thường vụ
21	Đẩy mạnh thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”, “Bình dân học vụ số”	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan, các đảng ủy	Thực hiện thường xuyên	
22	Ban hành văn bản hướng dẫn về tiêu chí đánh giá điển hình dân vận khéo trong Đảng bộ Chính phủ giai đoạn 2026-2030.	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan, các đảng ủy	Năm 2026	Ban Thường vụ
23	Thực hiện sơ kết, tổng kết các Nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy chế... của Trung ương về công tác tuyên giáo và dân vận	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Các cơ quan liên quan, các đảng ủy	Theo kế hoạch của Trung ương	

B. XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN
I	Sơ kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận; tham gia ý kiến sửa đổi các đề án, quy định, hướng dẫn của Trung ương			
24	Triển khai thực hiện Quy định số 20-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của BTCTW

25	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 249-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy Chính phủ	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 4/2026
26	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 252-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về ban hành Quy chế làm việc mẫu của 4 Đảng ủy trực thuộc Trung ương	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 4/2026
27	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 253-QĐ/TW, ngày 25/01/2025 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở bộ, ngành, cơ quan, tổ chức nơi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng.	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của BTCTW
28	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 254-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Bí thư về ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở bộ, ngành, cơ quan, tổ chức nơi kết thúc hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự đảng.	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của BTCTW
29	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 05-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Ban Bí thư về kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình vào Đảng.	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của BTCTW

30	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 29-HD/BTCTW, ngày 25/02/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương.	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của BTCTW
31	Tham gia góp ý xây dựng Chỉ thị của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 9/2026
32	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 61-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư ban hành quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước với cấp ủy địa phương	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 5/2026
33	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 87-QĐ/TW, ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 5/2026
34	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 113-QĐ/TW, ngày 10/7/2023 của Ban Bí thư về thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở mà cấp trên trực tiếp không phải là tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 5/2026
35	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 28-HD/BTCTW, ngày 25/02/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy trực thuộc Trung ương	Ban Tổ chức	Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	Tháng 9/2026

36	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 23-HD/BTCTW, ngày 14/02/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp nhà nước	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 9/2026
37	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 70-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 3/2026
38	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các cơ quan tham mưu, giúp việc đảng ủy thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của BTCTW
II	Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên			
39	Tham gia góp ý Đề án sửa đổi, bổ sung Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW khóa XIII, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 6/2026
40	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 5/2026
41	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 20/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 50% vốn điều lệ trở xuống	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý I/2027
42	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 138-QĐ/TW, ngày 01/12/2023 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở cơ quan	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý I/2027

43	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định của Ban Bí thư về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 7/2026
44	Tham gia góp ý Kết luận của Ban Bí thư về việc thực hiện Chi thị về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 10/2026
45	Tham gia góp ý Chi thị của Ban Bí thư về tăng cường công tác xây dựng tổ chức đảng, phát triển và quản lý đảng viên ở nước ngoài trong tình hình mới	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 8/2026
46	Tham gia góp ý Quy định của Ban Bí thư về sinh hoạt đảng trực tuyến và sinh hoạt tổ đảng	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 5/2026
47	Tham gia góp ý Báo cáo tổng kết Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 10/2026
48	Tham gia góp ý, sửa đổi, bổ sung Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị; Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 3/2026
49	Tham gia góp ý Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 8/2026
50	Tham gia góp ý xây dựng Quy định của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ chính trị nội bộ đối với cán bộ, đảng viên và cán bộ lãnh đạo có thân nhân đi học tập, làm việc, sinh sống ở nước ngoài	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 3/2026

51	Tham gia góp ý Báo cáo tổng kết Quy chế số 01-QC/BTCTW về quản lý hồ sơ cán bộ và sửa đổi các mẫu lý lịch 2a, 2b, 2c, 2d	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 10/2026
52	Tham gia góp ý dự thảo Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác thẩm định, thẩm tra, xác minh	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý II/2026
53	Tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung Quyết định số 128-QĐ/TW, ngày 14/12/2004 của Ban Bí thư (khóa IX) về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý I/2026
54	Tham gia góp ý Sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW, ngày 22/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm, nâng bậc, nâng ngạch lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý I/2026
55	Tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 29/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của BTCTW
III	Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng			
56	Tham gia góp ý Đề án sửa đổi, bổ sung Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII thi hành Điều lệ Đảng	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý I/2026
57	Tham gia góp ý Báo cáo tổng kết thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ 2026-2031 và đề xuất bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 5/2026

58	Tham gia góp ý Báo cáo tổng kết các mô hình thí điểm đang triển khai theo Quy định thi hành Điều lệ Đảng như: Chỉ định cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy: Các cơ quan Đảng Trung ương, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; tổ chức các đảng bộ xã, phường trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy là đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng...	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 5/2026
59	Tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 06-HD/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 4/2026
60	Tham gia góp ý Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Tháng 10/2026
61	Tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết của cấp ủy về giải pháp nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở; bảo đảm mọi giải pháp đều có cơ chế theo dõi, kiểm tra, phản hồi và chịu trách nhiệm	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý I/2026
62	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí cho từng vị trí việc làm, cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, xây dựng phương án bổ sung biên chế, điều động cán bộ làm cơ sở để sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp	Ban Tổ chức	Bộ Nội vụ	Tháng 4/2026
IV	Nhiệm vụ thường xuyên			
63	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 210-QĐ/ĐU, ngày 01/4/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ về việc bổ sung một số vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo trong Đảng bộ Chính phủ	Ban Tổ chức	Ban Tổ chức	Quý II/2026
64	Triển khai thực hiện đồng bộ các quy định, quy chế về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, cho thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm nguyên tắc “có vào, có ra”, “có lên, có xuống”, đánh giá cán bộ thường xuyên, liên tục, đa chiều, theo kết quả, sản phẩm cụ thể	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên

65	Phối hợp triển khai thực hiện Kết luận số 205-KL/TW, ngày 07/11/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
66	Tăng cường thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
67	Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
68	Thực hiện nghiêm Quy định của Bộ Chính trị “Một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng”	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
69	Triển khai theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kết luận của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ đối với cán bộ, đảng viên ra nước ngoài, quan hệ, làm việc với cá nhân, tổ chức nước ngoài	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
70	Hướng dẫn các đảng ủy trực thuộc triển khai thực hiện mô hình “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”.	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
71	Xây dựng, quản lý sử dụng cơ sở dữ liệu đảng viên, nâng cấp phần mềm quản lý Cơ sở dữ liệu đảng viên trong Đảng bộ Chính phủ	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
72	Xét tặng huy hiệu đảng đối với đảng viên tại các đảng ủy trực thuộc	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
73	Xét tặng kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp xây dựng Đảng trong doanh nghiệp Việt Nam” và Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp công tác Tổ chức xây dựng Đảng”	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên

74	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ cấp ủy các đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Chính phủ nhiệm kỳ 2025-2030 theo phân cấp quản lý	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
75	Triển khai thực hiện việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức theo quy định	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
76	Công tác khen thưởng cấp nhà nước đối với tập thể, cá nhân diện Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ quản lý	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Thực hiện thường xuyên
77	Tổ chức tập huấn công tác tổ chức xây dựng đảng	Ban Tổ chức	Các đảng ủy trực thuộc	Quý III/2026

C. CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC

STT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHÓI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
I	Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng				
78	Triển khai thực hiện Quy định số 21-QĐ/TW, ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	Ủy ban Kiểm tra	Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc	Trong nhiệm kỳ 2025-2030	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

79	Triển khai thực hiện, cụ thể hóa Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng	Ủy ban Kiểm tra	Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc	Trong nhiệm kỳ 2025-2030	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương
80	Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng và Nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng; việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các chương trình, đề án, mục tiêu quốc gia; việc tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp; việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; về phát triển kinh tế - xã hội; việc tổ chức thực hiện các đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất khác khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.	Ủy ban Kiểm tra	Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc	Trong nhiệm kỳ 2025-2030	Đảng ủy, Ban Thường vụ
81	<p>- Hoàn thiện mô hình, cơ chế hoạt động, kiện toàn tổ chức, bộ máy, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra và năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.</p> <p>- Hằng năm tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác kiểm tra, giám sát và công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong toàn đảng bộ.</p>	Ủy ban Kiểm tra	Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	<p>Năm 2026</p> <p>Trong nhiệm kỳ 2025-2030</p>	Ban Thường vụ

82	<p>Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương trình kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và hằng năm gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị. Lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát từ “bị động” sang “chủ động”, chú trọng giám sát thường xuyên, nâng cao hiệu quả giám sát chuyên đề; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thực hiện “giám sát, kiểm tra trên dữ liệu”.</p>	Ủy ban Kiểm tra	<p>Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc</p>	<p>Trong nhiệm kỳ 2025-2030</p>	<p>Ban Thường vụ</p>
83	<p>Lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường giám sát, nắm chắc tình hình tổ chức đảng, đảng viên, chủ động, kịp thời phát hiện, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; tập trung giải quyết dứt điểm đơn, thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng, nhất là những đơn, thư liên quan đến cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu cấp ủy; kịp thời xem xét, xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm theo thẩm quyền.</p>	Ủy ban Kiểm tra	<p>Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc</p>	<p>Trong nhiệm kỳ 2025-2030</p>	<p>Đảng ủy Chính phủ</p>
84	<p>Đẩy mạnh công tác tự kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng để phòng ngừa, phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và giám sát xã hội. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém đã được chỉ ra sau kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán.</p>	Ủy ban Kiểm tra	<p>Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy trực thuộc</p>	<p>Trong nhiệm kỳ 2025-2030</p>	<p>Ban Thường vụ</p>

II	Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực				
85	Triển khai thực hiện, cụ thể hóa Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới	Ủy ban Kiểm tra	Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ; các đảng ủy, ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc	Trong nhiệm kỳ 2025-2030	Theo chương trình, kế hoạch công tác và hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNLP TC và Ban Nội chính Trung ương
86	Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp và thường xuyên của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc, hành vi vi phạm về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xây dựng văn hóa liêm chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Đảng ủy Thanh tra Chính phủ	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ; cấp ủy, ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc	Trong nhiệm kỳ 2025-2030	Đảng ủy, Ban Thường vụ
87	Xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ 2025-2030 và hằng năm với phương châm kiên quyết, kiên trì, thường xuyên, liên tục, không ngừng, không nghỉ, với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt; xác định phòng ngừa là chính, là cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, đột phá; bảo vệ, khuyến khích người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám chịu trách nhiệm; tập	Đảng ủy Thanh tra Chính phủ	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	Năm 2026 và trong nhiệm kỳ 2025-2030	Đảng ủy, Ban Thường vụ

	trung hoàn thiện thể chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực sự bản lĩnh theo phương châm “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng, xây dựng văn hóa liêm chính trong Đảng bộ Chính phủ				
88	Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và quy chế về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, công tác cán bộ theo quy định	Đảng ủy Thanh tra Chính phủ	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ; Đảng ủy Bộ Tài chính; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	Năm 2026 và trong nhiệm kỳ 2025-2030	Ban Thường vụ
89	Đẩy mạnh tuyên truyền về văn hoá liêm chính; phổ biến các văn bản quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công khai kết quả xử lý các vụ việc theo quy định	Đảng ủy Thanh tra Chính phủ	Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Chính phủ; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Chính phủ	Năm 2026 và trong nhiệm kỳ 2025-2030	



TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109/NQ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"



CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 21.4.2026

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 01-CT/TW ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cập nhật, bổ sung và ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

2. Các nội dung đã thực hiện theo Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Chương trình hành động ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch, Tổng giám đốc các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 90



Lê Minh Hưng



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”
(Kèm theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng; phát huy vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước; giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và sự nỗ lực, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và từng người dân.

2. Thể hiện rõ những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để cụ thể hóa quan điểm, đường lối, định hướng và nội dung liên quan của Nghị quyết Đại hội XIV và Kết luận số 18-KL/TW thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với tình hình trong nước, quốc tế và đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới, để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng “2 con số” gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Kiên định mục tiêu, hành động quyết liệt, hiệu quả; đánh giá sát tình hình, linh hoạt các giải pháp vượt qua khó khăn của năm 2026, bứt phá trong giai đoạn 2027 - 2030.

3. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, ngành, cơ quan trực thuộc Chính phủ ở trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng chương trình hành động của từng bộ, ngành, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải được tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, nỗ lực phấn đấu cao nhất để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước; là căn cứ quan trọng để các bộ, cơ quan trung ương và địa phương kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2026 - 2030 đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIV và Kết luận số 18-KL/TW.

4. Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ thể chế kiến tạo và phát triển bền vững, tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn; huy động, khơi thông và giải phóng nhanh mọi nguồn lực; phát triển lực lượng sản xuất mới. Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Bảo đảm phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Bảo đảm cân đối bền vững, an toàn tài chính quốc gia, vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Thực hiện hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội trong phân bổ, quản lý và sử dụng mọi nguồn lực. Quản lý nợ công thống nhất, chủ động, an toàn, bền vững. Đầu tư công hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, tạo lan toả lớn, bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền, tạo động lực tăng trưởng kinh tế dài hạn.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, yêu cầu các bộ, ngành, cơ quan ở trung ương và địa phương phải nghiêm túc quán triệt các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo theo Nghị quyết Đại hội XIV và Kết luận số 18-KL/TW, trong đó đặc biệt chú trọng 12 định hướng phát triển đất nước, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược; với phương châm hành động “Đoàn kết, kỷ cương - Dân chủ, đổi mới - Đột phá, phát triển - Gắn dân, vì dân”; tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, nhất là người đứng đầu; xây dựng Chính phủ liêm chính, hành động, kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, quyết tâm bứt phá, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát đề ra theo Nghị quyết Đại hội XIV và Kết luận số 18-KL/TW: Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là địa phương) phải quán triệt sâu sắc các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, các quan điểm chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; phát huy tinh thần đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm, chủ động đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Hiện thực hóa các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030

1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số"

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển

Xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục, y tế, văn hóa và khoa học công nghệ; làm cơ sở để thực hiện đặt hàng cho các đơn vị trong và ngoài nhà nước tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành, bảo đảm chuyển tư duy đánh giá hiệu quả pháp luật từ "tốt trong văn bản" sang "tốt trong cuộc sống". Tiếp tục có giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương. Nghiên cứu, đề xuất các quy định nhằm bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách; rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng... góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch; cắt giảm, đơn giản hoá các điều kiện kinh doanh không cần thiết, mâu thuẫn, chồng chéo, không rõ ràng; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu môi trường đầu tư của Việt Nam vào nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới vào

năm 2028. Xây dựng, điều chỉnh các chiến lược và quy hoạch các cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện cho huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù đang áp dụng cho các địa phương để nghiên cứu, thể chế hoá thành chính sách chung cho cả nước.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển năng lượng, đặc biệt là trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng tái tạo. Xây dựng thể chế thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế bạc, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm... Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật cho phát triển công nghệ tài chính (Fintech), tài sản mã hoá, trí tuệ nhân tạo (AI) và các mô hình kinh tế mới nổi khác. Thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực mới như công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi năng lượng, công nghệ số...

Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng chiến lược như: đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi, trung tâm dữ liệu quốc gia, các mô hình kinh tế đột phá gồm: Đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế. Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh và nông nghiệp tuần hoàn; chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, linh hoạt đất trồng lúa; cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư, thử nghiệm, thí điểm các cơ chế, chính sách vượt trội cho các mô hình sản xuất nông nghiệp dựa trên công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

Chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, linh hoạt giữa

chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số"; kiên quyết không để xảy ra khủng hoảng kinh tế trong mọi tình huống. Chính phủ chủ động điều chỉnh các loại thuế, phí trong trường hợp khẩn cấp.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới, động lực tăng trưởng mới. Quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, minh bạch, bền vững, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân.

Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; tạo đột phá mạnh về cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực theo các mô hình hợp tác công - tư.

Thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ổn định, an toàn, lành mạnh, trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hiệu quả phục vụ tăng trưởng hai con số, giảm sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng; triển khai các giải pháp để nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia, nâng hạng thị trường chứng khoán; ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do trong việc thu hút các dòng vốn đầu tư gián tiếp, các quỹ đầu tư quốc tế; phát triển đa dạng các loại hình nhà đầu tư tổ chức, phát triển thị trường tín chỉ các-bon và các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại theo thông lệ quốc tế; điều chỉnh hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu của ngân hàng chính sách xã hội; mở rộng tỉ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

Hiện đại hoá hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo; nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống; tăng vốn điều lệ cho các ngân hàng thương mại nhà nước từ các nguồn: lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ, phát hành cổ phiếu, ngân sách nhà nước... theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; phát triển lành mạnh và đa dạng hoá các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể. Nâng cao hiệu quả quản lý thị trường vàng.

Xây dựng và hiện đại hoá nền công nghiệp quốc gia vững mạnh. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đột phá, đồng bộ để phát triển, nâng cao sức cạnh tranh các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, phát triển các sản phẩm công nghiệp trọng điểm. Nâng cao năng lực sản xuất các ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự chủ, tự cường về nguyên vật liệu đầu

vào cho sản xuất, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ gắn với tăng cường vị thế, vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Tập trung nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng như năng lượng, hạt nhân, cơ khí chế tạo, luyện kim, vận tải đường sắt, đóng tàu, vật liệu mới, hoá chất, công nghệ số, sinh học, công nghiệp hỗ trợ gắn với tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi như công nghiệp chip bán dẫn, công nghiệp robot và tự động hoá, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng tái tạo, năng lượng mới... Phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hoá và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn.

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị tăng cao. Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, đạt chuẩn quốc tế, gắn kết chặt chẽ với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế. Hiện đại hoá hệ thống hạ tầng thương mại, phát triển thương mại điện tử.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, giá trị gia tăng cao; phát triển thương hiệu các ngành hàng nông sản chiến lược, chủ lực. Tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị gắn với thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu đổi mới căn bản chính sách về hạn mức đất lúa theo hướng chuyển từ quy định cứng về diện tích tối thiểu sang quy định linh hoạt chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhưng phải quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi, tránh áp dụng tùy tiện, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Tạo đột phá phát triển các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực quan trọng; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí. Chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp lớn có năng lực cạnh tranh khu vực và toàn cầu. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu; chú trọng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia

chuỗi giá trị toàn cầu và vươn ra thị trường quốc tế hiệu quả, bền vững để mở rộng không gian tăng trưởng, nâng cao vị thế và thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi.

Xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút có chọn lọc vốn đầu tư nước ngoài gắn với chuyển giao, học hỏi và tiếp thu công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh về công nghệ; tăng cường kết nối khu vực kinh tế có vốn nước ngoài với các khu vực kinh tế của Việt Nam. Đổi mới chính sách thu hút FDI theo hướng chuyển từ trọng tâm ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau - ưu đãi theo kết quả; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã. Vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.

Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Phát triển hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch chất lượng cao, du lịch số; kết hợp thúc đẩy du lịch quốc tế với các dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, mua sắm hàng hoá; xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá phát triển du lịch để thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược của các nước.

4. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hiện đại hoá nền giáo dục quốc dân, ngang tầm khu vực và thế giới; thu hút, trọng dụng nhân tài

Tập trung chuyển đổi cơ cấu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, chiến lược, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động gắn với yêu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và hội nhập trong bối cảnh mới. Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Đặt hàng các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp công nghệ tham gia đào tạo nghề.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tăng cường dạy và học ngoại ngữ, nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ

thứ hai trong trường học. Đổi mới Chương trình giáo dục mầm non và triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình. Đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông. Tăng cường đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh.

Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia ngang tầm các nước tiên tiến; hiện đại hoá giáo dục đại học, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngang tầm các nước tiên tiến. Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới. Đưa giáo dục kỹ năng số, trí tuệ nhân tạo vào hệ thống giáo dục quốc dân ngay từ chương trình giáo dục mầm non; chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục.

Đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nguồn nhân lực cho các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi (như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ số, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học, môi trường, năng lượng, vật liệu tiên tiến, robot và tự động hoá, không gian vũ trụ, không gian biển, xây dựng công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị và đường sắt tốc độ cao). Phát triển nguồn nhân lực số, trang bị kỹ năng số toàn diện cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số và xã hội số.

Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách.

5. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đạt trình độ tiên tiến ở những lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao. Khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ. Xây dựng và triển khai các khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách thử nghiệm, thí điểm vượt trội trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng

tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp gắn với khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ và xây dựng các cơ sở nghiên cứu, phát triển các ngành công nghệ cao, chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, công nghệ sinh học; từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ cao. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, gắn với định hướng ứng dụng, làm chủ về công nghệ, nhất là những lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế. Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, ưu tiên cho công nghệ chiến lược. Xây dựng các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, tập trung vào các nhóm ngành công nghệ chiến lược. Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các "tổng công trình sư" đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia trong và ngoài nước. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cấp quốc gia và phòng thí nghiệm bán dẫn cấp cơ sở tại các cơ sở giáo dục đại học.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội; phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tập trung số hoá toàn diện hoạt động quản lý nhà nước và triển khai hiệu quả Đề án 06. Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Ứng dụng các công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; phát triển mạnh trợ lý ảo cho doanh nghiệp và người dân. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

a) Phát triển kết cấu hạ tầng:

Tập trung đầu tư các tuyến đường bộ cao tốc theo quy hoạch, các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không lớn, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị; xây dựng, nâng cấp trục giao thông đường

bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây, các trục đường bộ Đông - Tây quan trọng; phần đầu hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trước năm 2030; triển khai giai đoạn 2 Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Đến năm 2030 đưa vào sử dụng trên 5.000 km đường bộ cao tốc. Xây dựng các tuyến giao thông trọng yếu kết nối liên vùng, kết nối các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu quốc tế lớn. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa có mật độ vận tải cao; phát triển hệ thống cảng thủy nội địa trên các hành lang vận tải thủy chính.

Tạo đột phá trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng số. Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu lớn, trung tâm dữ liệu lớn, bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao và phát triển đột phá kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh năng lượng; nghiên cứu phát triển nhiệt điện than quy mô hợp lý kèm theo lộ trình thu hồi, xử lý khí thải; đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới. Triển khai các dự án năng lượng quan trọng, bảo đảm tiến độ dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2; phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá trọng điểm quốc gia mang tầm khu vực, quốc tế. Chú trọng phát triển hạ tầng văn hoá, giáo dục, y tế, đô thị, nông thôn, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thủ trưởng, người đứng đầu các bộ, ngành, cơ quan và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách); những vấn đề thuộc thẩm quyền thì phải quyết liệt xử lý dứt điểm, đồng thời báo cáo rõ vướng mắc và sớm đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

b) Thúc đẩy liên kết, phát triển vùng

Hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu. Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới gồm 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã). Triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các vùng động lực quốc gia, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, các đô thị lớn, các trung tâm kinh tế. Xây dựng, phát triển các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc

theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội, đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn thiện thể chế liên kết vùng, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng. Xây dựng kinh tế cửa khẩu hiện đại, đẩy mạnh thương mại biên giới, gắn với hạ tầng công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Phát triển kinh tế biển:

Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển. Phát triển các cụm kinh tế biển đa ngành gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh; xây dựng các trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm; đẩy mạnh phát triển nuôi trồng trên biển theo quy mô công nghiệp; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ; phát triển đội tàu vận tải biển; xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo.

d) Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới:

Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá; phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại gắn với yêu cầu phát triển đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác hiệu quả không gian tầm thấp, không gian ngầm. Thực hiện mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng; khai thác không gian ngầm, phát triển tàu điện ngầm tại các đô thị lớn. Sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ. Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bền vững; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, bản sắc, bền vững.

7. Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý phát triển xã hội bền vững; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khoẻ của Nhân dân

Gắn kết chặt chẽ, hài hoà, bảo đảm phát triển văn hoá, xã hội ngang tầm với phát triển kinh tế và mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của quá trình đổi mới, phát triển đất nước. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao xếp hạng quốc tế về chỉ số phát triển con người (HDI) và chỉ số hạnh phúc của Việt Nam.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thống nhất trong đa dạng; mang đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học, hiện đại. Triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Phát triển mạnh công nghiệp văn hoá, giải trí, dịch vụ văn hoá, các ngành kinh tế sáng tạo, kinh tế thể

thao, công nghiệp sự kiện, phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; hình thành một số đô thị di sản, phát triển kinh tế di sản; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm, dịch vụ văn hoá số; gắn kết văn hoá với du lịch, thương mại và công nghệ, hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hoá nghệ thuật dân tộc, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá quốc gia gắn với xây dựng các công trình văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế. Thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hoá cơ sở. Có chính sách nâng cao đời sống văn hoá, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền, giữa các tầng lớp Nhân dân. Xây dựng hệ sinh thái văn hoá mang bản sắc Việt Nam, đa dạng, hiện đại; chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, thích ứng với già hoá dân số; tập trung công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân số và phát triển; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Tổ chức lại và nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận thuận lợi và sử dụng hiệu quả các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Xây dựng, phát triển một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngang tầm khu vực và quốc tế; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại. Bảo đảm cho mọi người dân được khám sức khoẻ định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khoẻ điện tử của người dân. Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình.

Xây dựng, phát triển hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu; có khả năng hỗ trợ kịp thời đối với nhóm yếu thế, người lao động phi chính thức. Hoàn thiện, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội, các chính sách an sinh đối với các đối tượng yếu thế; nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, an sinh xã hội quốc gia. Hoàn thiện chính sách giảm nghèo, tránh chông chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Bảo đảm mức sống của gia đình người có công; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, trẻ em, thanh thiếu niên. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao.

Đẩy mạnh cải cách mô hình quản lý xã hội; hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững. Phát triển đô thị an toàn, đáng sống, thông minh và bền vững; tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong thực hiện chính sách xã hội, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội. Thành lập, sử dụng hiệu quả quỹ nhà ở quốc gia; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập; chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Khuyến khích làm giàu chính đáng, phát triển mạnh tầng lớp trung lưu. Hiện đại hoá và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm và giao dịch việc làm dựa trên nền tảng số.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Phát triển và vận hành hiệu quả các thị trường bất động sản, quyền sử dụng đất, khoáng sản, năng lượng. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm. Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, nhất là sinh thái rừng, sinh thái đất ngập nước, sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên. Xử lý cơ bản ô nhiễm không khí, tắc nghẽn giao thông, ngập úng tại một số thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... Quyết liệt xử lý ô nhiễm các dòng sông, bờ sông; tăng cường điều tiết, phục hồi hệ sinh thái sông, hồ, rừng ngập mặn. Xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường.

Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển.

Chủ động ứng phó với thiên tai; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi

phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ. Triển khai Chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long (hồ chứa nước, hệ thống giữ nước, công trình điều tiết nước, phòng, chống sạt lở, sụt lún, hạn hán, xâm nhập mặn...); triển khai các giải pháp phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung và trung du, miền núi phía Bắc.

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác thải. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mô hình tái chế, tái sử dụng chất thải.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực...; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Xây dựng thế trận bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội rộng khắp, đa tầng trong hoạt động kinh tế; coi an ninh quốc gia là một động lực phát triển kinh tế, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế, công nghệ, năng lượng và chuỗi cung ứng. Tăng cường xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy... Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin; bảo đảm an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bảo đảm chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng trong mọi tình huống và bảo đảm môi trường số an toàn, ổn định cho phát triển. Tăng cường, mở rộng tiềm lực đối ngoại quốc phòng, an ninh.

Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

10. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá

Tiếp tục triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc... Đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin và tăng cường hiệu quả thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế. Chú trọng việc phân tích, đánh giá dự báo tình hình quốc tế, đề xuất các kịch bản ứng phó kịp thời, chủ động, nhất là đối với các vấn đề có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng tầm đối ngoại đa phương và song phương; nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc. Đẩy mạnh khai thác các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện; tiếp tục xác lập, nâng cấp quan hệ với một số đối tác quan trọng. Nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam tại các tổ chức khu vực, quốc tế; chủ động, tích cực tham gia định hình các thể chế đa phương; đóng góp chủ động, tích cực, có trách nhiệm hơn nữa vào việc giải quyết các vấn đề chung của khu vực và cộng đồng quốc tế. Chú trọng việc phân tích, đánh giá dự báo tình hình quốc tế, đề xuất các kịch bản ứng phó kịp thời, chủ động, nhất là đối với các tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh công tác phổ biến thông tin và tăng cường hiệu quả thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam. Tiếp tục thúc đẩy hợp tác, đàm phán phân định biển với các nước liên quan; thúc đẩy đàm phán, xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) hiệu lực, thực chất, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) 1982 và thúc đẩy thực thi COC sau khi được thông qua; tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy phát triển kinh tế biển. Tích cực đàm phán giải quyết các phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền.

Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đi vào chiều sâu, thực chất. Đẩy mạnh các hình thức ngoại giao mới (ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao số, ngoại giao văn hoá, ngoại giao công thương...). Phát huy vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong tham mưu, kết nối, xúc tiến hợp tác và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

Chăm lo cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, giữ gìn bản sắc dân tộc; kết nối, đóng góp cho quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và các nước, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Làm tốt công tác bảo hộ công dân.

11. Đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, khả thi, thống nhất, công bằng, dân chủ, minh bạch, dễ tiếp cận, kiến tạo phát triển và hội nhập quốc tế; bảo đảm hệ thống pháp luật có cấu trúc hợp lý và tính ổn định tương đối, có khả năng dự báo được, đồng thời có độ mở phù hợp với yêu cầu thực tiễn; bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân. Sửa đổi, bổ sung các luật quan trọng để hoàn thiện thể chế phát triển. Phát triển và vận hành hiệu quả Công Pháp luật quốc gia phục vụ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận pháp luật; tương tác giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp trong xây dựng thể chế, pháp luật; tiếp nhận, giải quyết kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật trên môi trường số. Tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán, hiệu quả; chú trọng công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật, bảo đảm việc hiểu, áp dụng pháp luật một cách thống nhất. Đo lường chất lượng thực thi pháp luật ở các bộ, ngành, địa phương dựa trên mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đổi mới công tác truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật và tăng cường xây dựng văn hoá tuân thủ pháp luật trong cán bộ, công chức và Nhân dân. Thúc đẩy phát triển hệ thống dịch vụ pháp lý, hỗ trợ pháp lý, trợ giúp pháp lý. Khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án; đẩy mạnh công tác hoà giải ở cơ sở gắn với phát huy vai trò tự quản của người dân.

Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước, quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, phục vụ và kiến tạo phát triển, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền một cách khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm gần dân, sát cơ sở, phục vụ nhân dân hiệu quả.

Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm, tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa trung ương - địa phương - doanh nghiệp - người dân. Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản quốc gia. Tăng cường trách nhiệm giải trình, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức; kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém,

đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ. Ban hành các chính sách đột phá bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; rà soát, quy định rõ ràng, cụ thể về các cơ chế, chính sách khuyến khích, bảo vệ, khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Hoàn thiện chính sách, thể chế về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ TÀI CHÍNH QUỐC GIA, VAY TRẢ NỢ CÔNG, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Nhiệm vụ, giải pháp về tài chính quốc gia

Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính quốc gia. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước. Xây dựng mức bội chi ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia trong phạm vi cân đối ngân sách nhà nước.

Xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế, bảo đảm tính trung lập của hệ thống thuế. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của ngân sách nhà nước.

Đối với chính sách đặc thù tài chính - ngân sách nhà nước của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu ngân sách nhà nước. Không quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền).

Từ năm 2027 cân đối vào ngân sách nhà nước một số nhiệm vụ an ninh, quốc phòng đã được Bộ Chính trị phê duyệt, trước đây sử dụng từ nguồn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước.

Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

Rà soát các vướng mắc trong đầu tư công, sớm tổng kết và đánh giá nguồn lực đầu tư công, trên cơ sở đó nghiên cứu hợp nhất Luật Đầu tư công với Luật ngân sách nhà nước.

2. Nhiệm vụ, giải pháp về vay, trả nợ công

Triển khai áp dụng hiệu quả Luật Quản lý nợ công, tăng cường quản lý rủi ro nợ công, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng và báo cáo thông tin nợ công, phấn đấu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia có xếp hạng tín nhiệm đầu tư. Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức vay, kỳ hạn vay, thời điểm vay và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng trong thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công, thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ.

3. Nhiệm vụ, giải pháp về đầu tư công trung hạn

Đối với ngân sách trung ương: Bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó tập trung ưu tiên bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các dự án liên vùng của các địa phương. Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là 10%; giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025.

Đối với ngân sách địa phương: Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.

Hoàn thành hướng dẫn hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội làm cơ sở phân bổ vốn đầu tư công. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với ngân sách nhà nước để triển khai các dự án lớn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Chủ tịch, Tổng Giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW và các nhiệm vụ trong Chương trình hành động này của Chính phủ, có trách nhiệm cập nhật, bổ sung vào Chương trình hành động của các bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, hoàn thành trước ngày 20 tháng 4 năm 2026, trong đó phải thể hiện bằng các đề án, chương trình, giải pháp, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện, xác định rõ sản phẩm đầu ra, cấp trình và phân công trách nhiệm cụ thể, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 4 năm 2026, đồng gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trên cơ sở Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của mình, từng bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm. Đối với những nhiệm vụ đã rõ, đã có văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, không cần phải xây dựng thêm đề án, các bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty tổ chức triển khai ngay, bảo đảm thực hiện kịp thời, hiệu quả những nội dung liên quan trong Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của mình.

b) Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV, Kết luận số 18-KL/TW Chương trình hành động này của Chính phủ và Chương trình hành động của bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty; hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của cả nước và địa phương, các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục I, II, III và IV. Trong quá trình tổ chức thực hiện đặc biệt lưu ý cần nghiêm túc quán triệt thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ gắn với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, đổi mới, sáng tạo; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

c) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của Chính phủ và Chương trình hành động của từng bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty; định kỳ 06 tháng đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Tài chính để theo dõi và tổng hợp theo quy định. Trong quá trình tổ chức

thực hiện Chương trình hành động này của Chính phủ, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ cụ thể, các bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty chủ động đề xuất, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ 06 tháng báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động này; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội để tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo theo quy định tại Kết luận số 18-KL/TW và các quy định có liên quan.

3. Căn cứ Nghị quyết Đại hội XIV và Kết luận số 18-KL/TW, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Sau khi được Quốc hội thông qua, tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện; trường hợp cần thiết báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép sửa đổi, bổ sung một số đề án, nhiệm vụ, công việc trong Phụ lục ban hành kèm theo Chương trình hành động này.

4. Chính phủ trân trọng đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các cơ quan tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân tăng cường giám sát, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động này của Chính phủ và Chương trình hành động của các bộ, cơ quan, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ban Tuyên giáo và Dân vận của Đảng ủy Chính phủ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, cơ quan, địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của trung ương.

Phụ lục I
CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU
GIẢI ĐOÀN 2026 - 2030 GẶN VỚI THỰC HIỆN MỨC TIÊU
ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG "2 CON SỔ"
 Kèm theo Nghị quyết số 109/NQ-CP
 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)



TT	CHỈ TIÊU	MỨC TIÊU	CƠ QUAN CHỦ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
I	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	Phần đầu ≥ 10,0	1. Bộ Tài chính đầu mối tham mưu điều hành kích bản tăng trưởng thực hiện công tác thông kê. 2. Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Các đơn vị có liên quan.
2	GDP bình quân đầu người đến năm 2030 (USD)	8.500	1. Bộ Tài chính đầu mối thông kê các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Các đơn vị có liên quan.
3	Tốc độ tăng chi số sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm (IIP) (%)	11 - 12	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan.
4	TI lệ nội địa hóa một số ngành công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (%)	40 - 45	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan.
5	Chỉ số năng lực cạnh tranh công nghiệp (CIP) đến năm 2030	Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan.

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
6	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đến năm 2030 (%)	28	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty và đơn vị có liên quan.
7	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	2.400	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty và đơn vị có liên quan.
8	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)	14 - 15	Bộ Công Thương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan.
9	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (%)	15 - 16	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
	Trong đó: Nhóm nông, lâm, thủy sản	10 - 12	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, các địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
	Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo	15 - 16	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
	Nhóm nhiên liệu, khoáng sản	4 - 5	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
10	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (%)	12 - 13	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
11	Tăng trưởng bình quân doanh số thương mại điện tử (%)	23 - 25	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan.
12	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa (%)	10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị có liên quan.
13	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam đến năm 2030 (triệu lượt)	45 - 50	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị có liên quan.
14	Phân đầu đến năm 2028, môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam	Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và 30 quốc gia hàng đầu thế giới	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan.
15	Chỉ số về Sức mạnh mềm toàn cầu (GSI) đến năm 2030	Thuộc nhóm 30 quốc gia dẫn đầu thế giới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan.
16	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao 2. Bộ Tài chính đầu mối	Các đơn vị có liên quan.

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
17	Tỉ trọng vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội (%)	20 - 22	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao 2. Bộ Tài chính đầu mối	Các đơn vị có liên quan.
18	Hệ số ICOR	4,5 - 4,8	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao 2. Bộ Tài chính đầu mối	Các đơn vị có liên quan.
19	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55	1. Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. 2. Bộ Tài chính đầu mối thống kê	Các đơn vị có liên quan.
20	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. 2. Bộ Tài chính đầu mối thống kê	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị có liên quan
	Trong đó: Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân (%)	8,5 - 9,5	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. 2. Bộ Tài chính đầu mối thống kê	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
21	Chi phí logistics so với GDP đến năm 2030 (%)	12 - 15	1. Bộ Công Thương chủ trì theo dõi, điều hành và thúc đẩy phát triển dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu, kho bãi. 2. Bộ Xây dựng chủ trì theo dõi dịch vụ vận tải, phát triển kết cấu hạ tầng và chi phí vận chuyển	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, các đơn vị có liên quan
22	Tổng tích lũy tài sản so với GDP (%)	35' - 36	Bộ Tài chính chủ trì theo dõi	Các bộ, cơ quan, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
23	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP (%)	61 - 62	Bộ Tài chính chủ trì theo dõi	Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
24	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP đến năm 2030 (%)	30	1. Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn, Tổng công ty theo chức năng, nhiệm vụ được giao 2. Bộ Tài chính đầu mối thống kê	Các bộ, cơ quan, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị có liên quan.
25	Tỉ trọng kinh tế xanh trên GDP đến năm 2030 (%)	10	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị có liên quan
26	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp đến năm 2030 (%)	> 40	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị có liên quan.

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
27	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân (%)	11 - 12	Bộ Công Thương và các địa phương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị có liên quan.
28	Tỉ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đến năm 2030 (%)	26,1	Bộ Công Thương và các địa phương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
29	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030 (triệu doanh nghiệp)	2	Bộ Tài chính và các địa phương	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị liên quan.
30	Số doanh nghiệp lớn tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu đến năm 2030	20	Bộ Tài chính, các địa phương và các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước	Các bộ, cơ quan, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các đơn vị có liên quan
31	Số đặc khu kinh tế đến năm 2030	3	Bộ Tài chính và các địa phương	Các bộ, cơ quan và các đơn vị liên quan.
32	Số khu thương mại tự do đến năm 2030	5	Bộ Tài chính và các địa phương	Các bộ, cơ quan và các đơn vị liên quan.
33	Số km đường cao tốc hoàn thành (km)	1.655	Bộ Xây dựng và các địa phương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan.
34	Số km đường sắt (km)	645	Bộ Xây dựng và các địa phương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, các Tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các đơn vị có liên quan.
	Trong đó: số km đường sắt đô thị (km)	200	Các địa phương	Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan và các đơn vị có liên quan.
35	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	> 50	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI			
36	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75,5	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan
37	Thời gian sống khoẻ (năm)	68	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
38	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	< 20	Bộ Nội vụ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
39	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
40	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030 (%)	80	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
41	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đến năm 2030 (%)	40	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
42	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030 (%)	50	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
43	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
44	Số bác sĩ/vận dân đến năm 2030 (người)	19	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
45	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	100%	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
46	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân	Bộ Y tế	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan
47	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,8	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan.
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			
48	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, các địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và đơn vị có liên quan

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
49	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 (%)	100	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan, các địa phương đơn vị có liên quan.
50	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.
51	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.
52	Tỉ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh đến năm 2030 (%)	45 - 50	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.
53	Tỉ lệ tự dùng và tổn thất điện năng đến năm 2030 (%)	≤10,7	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, đơn vị có liên quan
54	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030 (%)	70 - 75	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, đơn vị có liên quan
55	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	8 - 9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.
56	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (%)	6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.
57	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	42	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.
IV	VỀ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, ĐẦU TƯ CÔNG			

TT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2026 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
58	Tổng thu ngân sách nhà nước (triệu tỷ đồng)	16,4	Bộ Tài chính, các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
59	Tỉ lệ huy động ngân sách nhà nước trên GDP (%)	18	Bộ Tài chính, các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
60	Tỉ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước	87-88	Bộ Tài chính, các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
61	Tổng chi ngân sách nhà nước (triệu tỷ đồng)	21,2	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp nhà nước. 2. Bộ Tài chính đầu mối.	Các đơn vị có liên quan
62	Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước (triệu tỷ đồng)	8,51	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp nhà nước. 2. Bộ Tài chính đầu mối.	Các đơn vị có liên quan
63	Tỉ lệ chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước (%)	40	1. Các bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp nhà nước. 2. Bộ Tài chính đầu mối.	Các đơn vị có liên quan
64	Tỉ lệ bố trí dự phòng trong tổng chi ngân sách nhà nước (%)	10	Bộ Tài chính, các địa phương	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
65	Tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước bình quân trên GDP	5	Bộ Tài chính, các địa phương	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
66	Trần nợ công so với GDP (%)	Không quá 60	Bộ Tài chính, các địa phương	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan.
67	Ngưỡng an toàn nợ công so với GDP (%)	Không quá 50	Bộ Tài chính, các địa phương	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan.
68	Trần nợ Chính phủ so với GDP (%)	Không quá 50	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan.
69	Trần nợ nước ngoài quốc gia so với GDP (%)	Không quá 50	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan.



Phụ lục II
TRƯỜNG GDP, GRDP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(theo Nghị quyết số 109/NQ-CP
ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

TT	NGÀNH, LĨNH VỰC/ ĐỊA PHƯƠNG	TỐC ĐỘ BÌNH QUÂN 2026 - 2030 (%/NĂM)	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	Cả nước	≥ 10,0		
I	THEO NGÀNH, LĨNH VỰC			
1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	12,3		
	- Công nghiệp	11,8	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	12,4	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
	- Xây dựng	14,5	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
3	Khu vực dịch vụ	9,5		
	Trong đó:			
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	11,0	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
	- Vận tải, kho bãi	11,2	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao

TT	NGÀNH, LĨNH VỰC/ ĐỊA PHƯƠNG	TỐC ĐỘ BÌNH QUÂN 2026 - 2030 (%/NĂM)	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12,4	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	11,5	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
	- Khoa học và Công nghệ	12,0	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,0	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
II	THEO TỈNH, THÀNH PHỐ		Các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan
1	Thành phố Hà Nội	10,5 - 11,0		
2	Thành phố Hồ Chí Minh(*)	10,0		
3	Thành phố Hải Phòng	13,0 - 14,0		
4	Thành phố Huế	10,0		
5	Thành phố Đà Nẵng	11,0 - 11,5		
6	Thành phố Cần Thơ	10,0 - 10,5		
7	Lai Châu	10,0		
8	Điện Biên	10,0 - 11,0		
9	Sơn La	8,0 - 8,5		
10	Lào Cai	10,0		
11	Phú Thọ	10,5		
12	Tuyên Quang	10,5		
13	Cao Bằng	8,0 - 9,0		
14	Thái Nguyên	10,5		
15	Lạng Sơn	10,0 - 11,0		
16	Quảng Ninh	11,0 - 12,0		

TT	NGÀNH, LĨNH VỰC/ ĐỊA PHƯƠNG	TỐC ĐỘ BÌNH QUÂN 2026 - 2030 (%/NĂM)	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI	CƠ QUAN PHỐI HỢP
17	Bắc Ninh	10,5		
18	Hung Yên	10,0 - 11,0		
19	Ninh Bình	10,5 - 11,0		
20	Thanh Hoá	11,0		
21	Nghệ An	11,0 - 12,0		
22	Hà Tĩnh	10,0		
23	Quảng Trị	9,0 - 10,0		
24	Quảng Ngãi	9,0 - 9,5		
25	Gia Lai	10,0 - 10,5		
26	Đắk Lắk	11,0 - 11,5		
27	Khánh Hoà	11,0 - 12,0		
28	Lâm Đồng	10,0 - 10,5		
29	Đông Nai	10,0		
30	Tây Ninh	10,0 - 10,5		
31	Đồng Tháp	8,5 - 9,0		
32	Vĩnh Long	10,0 - 10,5		
33	An Giang	9,5 - 10,0		
34	Cà Mau	10,0 - 10,5		

Ghi chú: ()* Tốc độ tăng trưởng GRDP Thành phố Hồ Chí Minh không kể dầu khí khoảng 10,5 - 11,0%/năm.



Phụ lục III

PHẦN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
I	Nhóm nhiệm vụ về tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng			
1	Tổng rà soát hệ thống pháp luật Việt Nam	Tháng 12/2026	Bộ Tư pháp chủ trì hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo	Các bộ, cơ quan, địa phương rà soát trong lĩnh vực quản lý được giao
2	Xây dựng chiến lược hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới	Tháng 12/2026	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng quản lý
3	Sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành	Quý IV/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan
4	Thể chế hoá các cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương được thực tiễn chứng minh là đúng, có hiệu quả để áp dụng trên phạm vi toàn quốc	Năm 2026	1. Bộ Tài chính tổng kết, đánh giá cơ chế, chính sách đặc thù (trong Quý II/2026). 2. Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan tham mưu, đề xuất trong quá trình sửa đổi các quy định	Các địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
5	Rà soát, đánh giá tính khả thi và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền, tháo gỡ triệt để các vướng mắc cho chính quyền địa phương 2 cấp	Quý II/2026	1. Bộ Nội vụ chủ trì tổng hợp, đề xuất 2. Các bộ, cơ quan rà soát, sửa đổi thuộc lĩnh vực quản lý	Các địa phương
6	Lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất với yêu cầu tăng trưởng "2 con số"	Quý II/2026	Các bộ, cơ quan, địa phương lập, điều chỉnh, phê duyệt, trình phê duyệt	Bộ Tài chính đơn đốc, hướng dẫn, phối hợp
7	Rà soát, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất	Quý II/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
8	Số hoá và làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc	Quý II/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương	Bộ Công an, các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
9	Hoàn thành các phương án và ban hành đầy đủ các quy định để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực; các bộ, địa phương phấn đấu hoàn thành việc xử lý trong quý III/2026	Quý III/2026	1. Bộ Tài chính đầu mối phối hợp với các cơ quan tổng hợp, đề xuất trong phạm vi Ban Chỉ đạo 751. 2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thanh tra Chính phủ, các bộ, cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách. 3. Các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức triển khai.	Các đơn vị có liên quan
10	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo	Quý II/2026	1. Bộ Công Thương chủ trì, tổng hợp. 2. Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp có dự án đề xuất phương án xử lý vướng mắc trong ngành, lĩnh vực phụ trách	Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty
11	Hoàn thành phương án xử lý vướng mắc cho các dự án hạ tầng	Quý II/2026	Bộ Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
12	Thiết lập cơ chế và xây dựng tiêu chí kiểm soát tiến độ triển khai dự án sử dụng đất đô thị và công nghiệp, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; có chế tài và cơ chế tài chính xử lý đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết	Quý II/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng và các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
13	Hoàn thiện pháp luật để xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng	Quý II/2026	Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công an, Quốc phòng theo chức năng, nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
14	Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực theo hướng thống nhất, đồng bộ, hiện đại, hài hoà với các tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp điều kiện thực tiễn	Quý II/2026	1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi. 2. Các Bộ: Xây dựng, Công Thương, các bộ, cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
15	Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp	Quý II/2026	1. Bộ Tư pháp tổng hợp, đánh giá việc cắt giảm thủ tục hành chính; chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các địa phương nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách. 2. Các bộ, cơ quan, địa phương rà soát, cắt giảm hoặc trình cấp có thẩm quyền cắt giảm.	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan Bộ Công an, Bộ Nội vụ phối hợp triển khai các nhiệm vụ về rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính
16	Đẩy mạnh phân cấp thủ tục hành chính, bảo đảm cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý	Quý II/2026	1. Bộ Tư pháp tổng hợp, đánh giá chung việc phân cấp thủ tục hành chính, đề xuất. 2. Các bộ, cơ quan rà soát, thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền phương án phân cấp.	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan Bộ Công an, Bộ Nội vụ phối hợp triển khai các nhiệm vụ về rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
17	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực: (i) Về phát triển công nghiệp quốc gia, bao gồm cả công nghiệp công nghệ số, công nghiệp công nghệ thông tin (không bao gồm công nghiệp quốc phòng, an ninh). (ii) Về quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số tập trung... (iii) Về quản lý quy hoạch thăm dò, cấp phép, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản. (iv) Về quản lý hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm khởi nghiệp quốc gia. (v) Về phát triển các công nghệ chiến lược và giải mã công nghệ chiến lược	Quý III/2026	1. Về phát triển công nghiệp quốc gia: Bộ Công Thương chủ trì. 2. Về quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ số: Bộ Tài chính chủ trì. 3. Về quản lý quy hoạch khoáng sản: Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì. 4. Về quản lý hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp quốc gia: Bộ Tài chính chủ trì 5. Về công nghệ chiến lược: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì	Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
18	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, Luật Du lịch, Luật Điện ảnh, Luật Thư viện, Luật Di sản văn hóa...)	2026	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
19	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, lao động (Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ luật Lao động...)	2026	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
20	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực bất động sản, nhà ở (Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Kiến trúc...)	2026	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
21	Luật Thủ đô (sửa đổi)	2026	Bộ Tư pháp	Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, các bộ, ngành
22	Bộ luật Hàng hải	2026	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
23	Luật Dầu khí	2026	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
24	Luật Đấu giá tài sản	2026	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
25	Luật Quản lý nợ công	2026	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
26	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	2026	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
27	Thành lập Cổng đầu tư một cửa quốc gia	2026	Bộ Tài chính	Các tỉnh, thành phố
28	Hoàn thiện các đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	2026	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
29	Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	2026	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
II	Nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới			
30	Xây dựng để triển khai Đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động hội nhập quốc tế; tập trung nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học, công nghệ, bố trí nguồn lực, cơ chế, chính sách nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược	Quý III/2026	Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp, báo cáo	Bộ Công Thương, Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, đơn vị có liên quan
31	Xây dựng Chương trình phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp mới nổi	2026	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, và đơn vị có liên quan
32	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp đường sắt	2026	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, các bộ, cơ quan, địa phương, và đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
33	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử	2026	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, các bộ, cơ quan, địa phương, và đơn vị có liên quan
34	Xây dựng Đề án phát triển một số cụm liên kết ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn	2026	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
35	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp năng lượng xanh, năng lượng sạch	2026	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
36	Xây dựng Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hóa hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	2026	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
37	Xây dựng Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế vào năm 2030	2026	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
38	Xây dựng chính sách hỗ trợ, kích cầu tiêu dùng, phát triển thị trường tiêu dùng nội địa	2026	Bộ Công thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
39	Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	2026	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
40	Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi	2026	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
41	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã	2026	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
42	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...	2026	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
43	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút hiệu quả các quỹ đầu tư quốc tế	2026	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan
44	Xây dựng, phát triển hạ tầng cho công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, công nghiệp không gian vũ trụ, kinh tế tầm thấp, công nghiệp lượng tử	Quý III/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công thương, các bộ, cơ quan, địa phương, và đơn vị có liên quan
45	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định liên quan giá than, giá khí bảo đảm minh bạch, do thị trường quyết định, có sự quản lý của Nhà nước	Quý III/2026	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan
46	Hoàn thành xây dựng và triển khai chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia (và một số mặt hàng thiết yếu khác)	Quý III/2026	Bộ Công Thương (đối với năng lượng), Bộ Tài chính và các bộ theo chức năng quản lý hàng dự trữ được giao	Các địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty
47	Xây dựng đề án tái cấu trúc Tập đoàn Điện lực Việt Nam phù hợp với thị trường điện cạnh tranh	Quý III/2026	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương, các bộ, ngành, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Tổng công ty Điện lực và các tổ chức liên quan
48	Triển khai xây dựng cơ chế đặc thù, đột phá và hình thành các Trung tâm công nghiệp năng lượng quốc gia	Quý III/2026	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
49	Hoàn thiện các cơ chế, chính sách cho phát triển điện gió ngoài khơi, LNG	Quý II/2026	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, đơn vị có liên quan
50	Xây dựng, triển khai các giải pháp đột phá, đồng bộ để thu hút khách du lịch quốc tế thông qua công tác xúc tiến du lịch, thí điểm miễn thị thực dài hạn, cấp thị thực nhập cảnh nhiều lần và các chính sách khác	Quý II/2026	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ngoại giao, Công an, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các đơn vị có liên quan
51	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các cơ chế, chính sách, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế bạc, kinh tế đêm, kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế không gian ngầm, kinh tế không gian vũ trụ	Quý III/2026	1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì kinh tế số, kinh tế không gian dữ liệu. 2. Bộ Công an: chủ trì kinh tế dữ liệu. 3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. 4. Bộ Tài chính: chủ trì kinh tế chia sẻ. 4. Bộ Nội vụ: chủ trì kinh tế bạc. 5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: chủ trì kinh tế ban đêm. 6. Bộ Xây dựng: chủ trì kinh tế không gian tầm thấp, kinh tế không gian ngầm	Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và đơn vị có liên quan
52	Tính toán chính xác tỉ lệ che phủ rừng, diện tích đất rừng, đất lúa	Năm 2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, địa phương, đơn vị có liên quan
53	Hoàn thành nghiên cứu đề đổi mới căn bản chính sách về hạn mức đất lúa theo hướng chuyển từ quy định cứng về diện tích tối thiểu sang quy định linh hoạt chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả nhưng phải quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi, tránh áp dụng tùy tiện, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia	Quý II/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
54	Xây dựng chương trình tối đa hoá giá trị sử dụng đất nông nghiệp; hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đủ mạnh khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; phát triển thị trường phụ phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp	Quý III/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan
55	Rà soát bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ... cho các địa phương, tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước năm 2026 và giai đoạn 5 năm	Tháng 4/2026	1. Bộ Tài chính chủ trì, tổng hợp chung 2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, tổng hợp các chỉ tiêu về chuyển đổi số, đổi mới công nghệ 3. Các bộ, địa phương quản lý ngành, lĩnh vực rà soát để giao chỉ tiêu tăng trưởng, đầu tư... 4. Các cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát, giao chỉ tiêu tăng trưởng, đầu tư... cho các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước	Các bộ, cơ quan, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị có liên quan
56	Thế chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế	Tháng 4/2026	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an	Các bộ, cơ quan, địa phương, các đơn vị có liên quan
57	Hoàn thiện phương án đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hoá và thoái vốn doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí	Tháng 5/2026	Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương là cơ quan đại diện chủ sở hữu	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
58	Ban hành mới Chiến lược phát triển thị trường thương mại trong nước	Tháng 12/2026	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
59	Xây dựng Đề án về Phát triển hệ sinh thái thương mại điện tử nội địa; Xây dựng mới Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá đến năm 2030	Tháng 12/2026	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
60	Thiết lập cơ chế "làn xanh" cho hành lang thương mại, đầu tư ưu tiên	Tháng 12/2026	Bộ Công Thương (đối với hành lang thương mại), Bộ Tài chính (đối với hành lang đầu tư)	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
61	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống logistics, kho ngoại quan tại các cửa khẩu, cảng biển và trung tâm tiêu thụ lớn	Tháng 12/2026	1. Bộ Công Thương chủ trì tổng hợp, xây dựng đề án 2. Bộ Tài chính đối với nội dung về kho ngoại quan, các quy định liên quan đến hải quan	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
62	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật quốc gia; siết chặt kỷ cương pháp luật về chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ người tiêu dùng	Tháng 12/2026 và thực hiện thường xuyên	1. Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, các địa phương tăng cường quản lý thị trường. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương các bộ, cơ quan rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Các đơn vị có liên quan
63	Đề xuất chương trình "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" gắn với yêu cầu nâng cấp các ngành sản xuất	Quý II/2026 và triển khai thường xuyên	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
64	Nghiên cứu phương án mở rộng đầu tư khai thác bô-xít và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển trung tâm công nghiệp bô-xít - alumin - nhôm quốc gia	Tháng 12/2026	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
III	Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn			
65	Xây dựng và triển khai đề án tiếp tục hiện đại hoá hệ thống ngân hàng, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hoàn thành xây dựng Đề án trong quý II/2026	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
66	Xây dựng và triển khai Đề án cải cách tổng thể thị trường tài chính Việt Nam gắn với thực hiện mục tiêu tăng trưởng ở mức cao, liên tục đến năm 2045	Hoàn thành xây dựng Đề án trong quý II/2026	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
67	Hoàn thiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp FDI sử dụng nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận chưa chuyển về nước để đầu tư tại Việt Nam; thu hút FDI gắn với chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực	Quý III/2026	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, cơ quan, địa phương
68	Ban hành chính sách vượt trội thu hút các quỹ đầu tư quốc tế và phát triển đa dạng các loại hình quỹ đầu tư	Quý II/2026	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng (liên quan đến Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam), các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan.
69	Phát triển tín chi các bon và tài sản kỹ thuật số	Quý II/2026	1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với phát triển tín chi các bon 2. Bộ Tài chính đối với sản giao dịch tín chi các bon 3. Bộ Khoa học và Công nghệ đối với tài sản kỹ thuật số	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an, đơn vị có liên quan
70	Tập trung đánh giá, tái cơ cấu toàn diện mô hình hoạt động của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tiến tới thành lập Quỹ đầu tư quốc gia	Quý II/2026	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
IV	Nhóm nhiệm vụ về tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ trực tiếp các hoạt động của nền kinh tế gắn với yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng			
71	Rà soát và hoàn thiện Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo hướng tinh gọn, tập trung vào những lĩnh vực có ý nghĩa quyết định đối với phát triển đất nước cả trước mắt và lâu dài	Tháng 4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, các đơn vị có liên quan
72	Thiết lập cơ chế chỉ đạo và điều phối thống nhất ở cấp Chính phủ để tổ chức triển khai các chương trình phát triển công nghệ chiến lược	Tháng 4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
73	Hướng dẫn về tiêu chí, quy trình đối với việc đầu tư, chi ngân sách cho các dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tháng 4/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương
74	Hoàn thành việc rà soát, hoàn thiện cơ chế tài chính, kinh phí cho phát triển công nghệ chiến lược, trọng tâm là các cơ chế đặc thù gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, cơ chế ưu đãi về thuế, tín dụng, hỗ trợ lãi suất, đồng tài trợ công - tư, cơ chế sử dụng NSNN đặt hàng mua sắm	Tháng 5/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, đơn vị có liên quan
75	Ban hành các văn bản triển khai các luật, nghị quyết liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Quý II/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
76	Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, nhất là nông nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ	Quý II/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan.
77	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu các bộ, ngành, địa phương kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, có cơ chế chia sẻ dữ liệu khu vực công cho khu vực tư	Quý II/2026	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
78	Xây dựng và vận hành thị trường dữ liệu; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong các ngành, lĩnh vực	Quý II/2026	1. Bộ Công an xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để vận hành thị trường dữ liệu 2. Các bộ, cơ quan, địa phương xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo lĩnh vực quản lý nhà nước	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
79	Tăng tỉ trọng chi phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ lõi trong tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Quý II/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
80	Ban hành bộ tiêu chuẩn về công nghệ chiến lược, công nghệ lõi và sản phẩm công nghệ chiến lược	Quý II/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
81	Chuyển trọng tâm chính sách hỗ trợ doanh nghiệp từ đầu vào sang hỗ trợ theo kết quả đầu ra; tiếp tục rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội về thủ tục, điều kiện kinh doanh, thuế (nhất là thuế đối với các sản phẩm được thương mại hoá), chi phí thuê đất,... đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Quý II/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
82	Tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổng hợp, chuyển đến	Quý II/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan
83	Xây dựng Chiến lược Chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX)	Quý III/2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
84	Xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia và trung tâm tính toán; bảo đảm thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện trực tuyến toàn trình	Quý III/2026	1. Bộ Công an xây dựng trung tâm dữ liệu quốc gia và trung tâm tính toán. 2. Các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
85	Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
86	Xây dựng Đề án tái cấu trúc các Chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp quốc gia	2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
V	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam			
87	Xây dựng Đề án phát triển 5 - 10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hoá	Quý II/2026	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
88	Đề án phát triển thương hiệu quốc gia về du lịch trên nền tảng văn hoá trong kỷ nguyên mới	Quý II/2026	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
89	Bộ Chỉ số văn hoá quốc gia; Bộ chỉ số thống kê đóng góp của các ngành công nghiệp văn hoá đối với phát triển kinh tế	Quý II/2026	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
90	Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hoá, nghệ thuật trong hệ thống dữ liệu các bộ, ngành	Quý II/2026	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
91	Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan về chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ về thuế, đất đai, đầu thầu, dữ liệu, cơ chế tài chính, cơ chế khuyến khích sáng tạo trong các luật chuyên ngành để tạo điều kiện huy động tối đa nguồn lực cho phát triển văn hoá	Quý III/2026	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
92	Xây dựng Đề án "Văn hoá trong tuân thủ luật pháp", Đề án "Phát triển thương hiệu quốc gia về du lịch trên nền tảng văn hoá trong kỷ nguyên mới", Kế hoạch đẩy mạnh nâng cao hội nhập quốc tế về văn hoá Việt Nam	Quý III/2026	1. Bộ Tư pháp chủ trì đề án "Văn hoá trong tuân thủ luật pháp". 2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đối với các Đề án còn lại	Bộ Ngoại giao, và các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
93	Tái cấu trúc sản phẩm, dịch vụ du lịch dựa trên bản sắc văn hoá của vùng, miền, địa phương gắn với thị hiếu của du khách, đồng bộ với quảng bá, xúc tiến chuyên biệt tại các thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam	Quý III/2026 và tổ chức triển khai thường xuyên	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
94	Xây dựng Đề án "Định giá kinh tế di sản, Đề án khai thác, phát huy tài sản văn hoá số"	Quý IV/2026	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bộ Ngoại giao các bộ, ngành và địa phương, đơn vị có liên quan
VI	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới			
95	Xây dựng chương trình thu hút giảng viên xuất sắc từ nước ngoài với các ưu đãi vượt trội.	Hoàn thành xây dựng chương trình trong quý II/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
96	Chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề; triển khai đào tạo, tái đào tạo quy mô cấp quốc gia nguồn nhân lực trong các lĩnh vực ưu tiên, chiến lược	Hoàn thành xây dựng chương trình trong quý II/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nội vụ, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
97	Rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; khuyến khích hình thành nhóm các chuyên gia đầu ngành, nhóm nghiên cứu mạnh và tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, chương trình công nghệ trọng điểm và hợp tác quốc tế	Quý II/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
98	Xây dựng các quy định để nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục	Quý III/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
99	Xây dựng Đề án triển khai, đánh giá và tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng mới, kỹ năng tương lai, bảo đảm phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn	Quý III/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
100	Xây dựng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp từ NSNN; chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề	Năm 2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
101	Xây dựng chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp	Năm 2026	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
102	Xây dựng Đề án đẩy mạnh phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực số trong trường phổ thông	2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
103	Xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục	2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
104	Xây dựng Chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là các ngành mũi nhọn về khoa học công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên, mới nổi	2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
VII	Nhóm nhiệm vụ về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng			
105	Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu	2026	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
106	Xây dựng hạ tầng trọng yếu cho phát triển kinh tế không gian tầm thấp	2026	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
107	Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội	2026 và nhiệm vụ thường xuyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
108	Phân vùng chức năng khu vực biển cho hàng hải, cảng biển, năng lượng ngoài khơi, thủy sản, nuôi biển, du lịch, dịch vụ, bảo tồn biển...	2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, các bộ, cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
VIII	Nhóm nhiệm vụ về quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống nhân dân			
109	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế bạc; chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hoá dân số nhanh. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khoẻ điện tử của người dân	Quý IV/2026	1. Bộ Nội Vụ chủ trì: Đề án phát triển kinh tế bạc; xây dựng chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hoá dân số nhanh. 2. Bộ Y tế chủ trì: đối với xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khoẻ điện tử của người dân	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
110	Tổ chức phối hợp giữa các hoạt động khám sức khoẻ định kỳ, khám sàng lọc miễn phí, kiểm tra sức khoẻ của học sinh, sinh viên, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khoẻ cho người lao động theo quy định và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập số sức khoẻ điện tử cho toàn bộ người dân	Quý IV/ 2026	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
111	Xây dựng Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hóa cơ sở, lấy người dân làm trung tâm	2026	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
112	Xây dựng Đề án phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu	2026	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
113	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số	2026	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
IX	Nhóm nhiệm vụ về quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu			
114	Hoàn thiện pháp luật về quản lý đất hiếm; xây dựng Chiến lược quốc gia về đất hiếm	Quý II/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và các đơn vị có liên quan
115	Xử lý dứt điểm các dự án khoáng sản do Nhà nước đầu tư chậm tiến độ để sớm khởi công thực hiện ngay trong năm 2026	Quý III/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ cơ quan, địa phương, Tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
116	Tái cơ cấu ngành khai khoáng, thúc đẩy hình thành và phát triển doanh nghiệp khai khoáng có quy mô lớn	Năm 2026 và nhiệm vụ thường xuyên	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan, địa phương, Tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị có liên quan
117	Xây dựng Đề án xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh	2026	Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
118	Xây dựng Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn	2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
119	Xây dựng Đề án hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học	2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
120	Xây dựng Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
121	Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
122	Hoàn thiện Đề án bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước	2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công an, các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan
X	Nhóm nhiệm vụ về củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa			
123	Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy doanh nghiệp quốc phòng, an ninh tích cực tham gia xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia	Quý IV/2026	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Các bộ, cơ quan, địa phương
124	Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu sản phẩm, thiết bị ra nước ngoài	Quý IV/2026	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Các bộ, cơ quan, địa phương

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
125	Thế chế hoá chủ trương thúc đẩy hợp tác công nghiệp quốc phòng và công nghiệp dân sinh	Quý IV/2026	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Các bộ, cơ quan, địa phương
126	Nghiên cứu khoa học - công nghệ theo hướng lưỡng dụng; khai thác hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo dùng chung	Quý IV/2026	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Các bộ, cơ quan, địa phương
127	Xây dựng cơ chế đặc thù về cảng biển, công trình lưỡng dụng dùng chung	Quý III/2026	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Các bộ, cơ quan, địa phương
XI	Nhóm nhiệm vụ về thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại			
128	Xây dựng các chương trình, đề án đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, ngoại giao khoa học, công nghệ với các đối tác quan trọng, nhất là quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược, các định chế, doanh nghiệp quốc tế quy mô lớn	Quý III/2026	Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các bộ, cơ quan, địa phương
129	Tăng cường năng lực phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Quý III/2026	Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, địa phương
130	Đề án về công tác người Việt Nam ở nước ngoài	2026	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
131	Đề án mở mới các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2030	2026	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
132	Đề án Danh hiệu quốc gia Việt Nam	2026	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, đơn vị có liên quan
133	Đề án tổng thể về Năm APEC 2027	Quý II/2026	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, địa phương, đơn vị có liên quan

TT	NHIỆM VỤ	THỜI HẠN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP
XII	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn			
134	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm	2026	1. Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị quyết hướng dẫn thực hiện 2. Các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện	Các đơn vị có liên quan
135	Các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao hoàn thành hướng dẫn thực hiện phân bổ vốn cho các dự án theo kết quả đầu ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định	Tháng 4/2026	1. Bộ Tài chính trình Thủ tướng ban hành Chỉ thị 2. Các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện	Các đơn vị có liên quan



Phụ lục IV

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN

2026 - 2030

(theo Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
I	HOÀN THIÊN ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÓNG SỨC SẢN XUẤT, HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC VÀ TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO PHÁT TRIỂN				
1	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực thương mại (Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Luật Quản lý ngoại thương...)	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Quốc hội
2	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Luật Đo lường, Luật Bưu chính, Luật Viễn thông, Luật Tần số vô tuyến điện...)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Quốc hội
3	Hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự (Luật An ninh dữ liệu, Luật Định danh và xác thực điện tử, Luật Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia...)	Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Quốc hội
4	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp (Luật Trợ giúp pháp lý, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Luật sư...)	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Quốc hội
5	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại (Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, Luật Thỏa thuận quốc tế, Luật Hàm cấp ngoại giao...)	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Quốc hội
6	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường (Luật Bảo vệ môi trường, Luật Địa chất và Khoáng sản, Luật Tài nguyên môi trường, biển và hải đảo...)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Quốc hội
7	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Quốc hội

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
8	Hoàn thiện pháp luật tạo nền tảng phát triển kinh tế không gian tầm thấp (Luật Quản lý phương tiện bay không người lái (UAV)...))	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Quốc hội
9	Hoàn thiện khung pháp lý về mô hình đô thị trong hệ thống chính quyền địa phương hai cấp	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội
10	Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản mã hóa, tiền kỹ thuật số	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026 - 2030	Quốc hội
11	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị	Bộ Tài chính	Bộ Xây dựng, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh	2026 - 2027	Quốc hội
12	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi	Bộ Công Thương	Bộ Tài chính	2026 - 2027	Quốc hội
13	Xây dựng cơ chế, chính sách và tiêu chí thành lập các đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế	1. Bộ Tài chính đối với Xây dựng cơ chế, chính sách và tiêu chí thành lập các đặc khu kinh tế, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế. 2. Bộ KH-CN đối với Xây dựng cơ chế, chính sách và tiêu chí thành lập các đặc khu công nghệ.	Bộ Công an, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
II	XÁC LẬP MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG MỚI, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, LẤY KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ LÀM ĐỘNG LỰC CHÍNH				
14	Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế điều hành chính sách tín dụng theo cơ chế thị trường	Ngân hàng Nhà nước		2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
15	Nghiên cứu, đề xuất thành lập Sở giao dịch vàng tại Việt Nam	Ngân hàng Nhà nước		2026 - 2027	Chính phủ
16	Xây dựng Đề án quản lý thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân	Bộ Xây dựng	Bộ Công an, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
17	Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng nguồn lực theo mô hình "lãnh đạo công - quản trị tư", "đầu tư công - quản lý tư", "đầu tư tư - sử dụng công"	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Chính phủ
18	Phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng	Bộ Tài chính, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng	Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
19	Thành lập, phát triển các khu thương mại tự do tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Đồng Nai và các địa phương có điều kiện thuận lợi	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố		2026 - 2030	Theo thẩm quyền
20	Xây dựng Chương trình về hình thành năng lực sản xuất mới dựa trên công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương, các bộ, ngành	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
21	Xây dựng Đề án tổng thể về khai thác, sử dụng có hiệu quả không gian vũ trụ quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	-	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
22	Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển, cảng hàng không trung chuyên quốc tế	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHE DUYỆT
23	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tích hợp đa giá trị, phát triển bên vững, thực chất, hiệu quả	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
24	Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, đầu tư, bảo hiểm, hợp tác công tư... cho phát triển kinh tế nông nghiệp mạnh, hiệu quả, bền vững	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành		2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ
25	Rà soát, điều chỉnh các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân trong nước trong tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác	Bộ Tài chính và các bộ, ngành		2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ
26	Xây dựng các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ
27	Xây dựng cơ chế, chính sách giao, đất hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ
28	Xây dựng chính sách hỗ trợ để hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, quy mô lớn, đầu đàn để dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước và mở rộng, tham gia thị trường toàn cầu	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ
29	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế số, công nghiệp số	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
30	Xây dựng Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
31	Xây dựng Đề án huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó có nguồn lực trong Nhân dân	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
III	TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO, XÂY DỰNG NỀN GIÁO DỤC QUỐC DÂN HIỆN ĐẠI, NGANG TÂM KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI				
32	Thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
33	Thực hiện Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2035	
34	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục ngang tầm các nước tiên tiến	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các tỉnh, thành phố	2027 - 2035	Thủ tướng Chính phủ
35	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
IV	ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ QUỐC GIA				
36	Thực hiện theo Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
37	Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Theo thẩm quyền

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
38	Xây dựng Chương trình quốc gia khởi nghiệp sáng tạo dựa trên nền tảng công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
39	Xây dựng Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ trong khu vực công	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành	2026-2027	Thủ tướng Chính phủ
40	Xây dựng Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành	2026-2027	Thủ tướng Chính phủ
41	Xây dựng Đề án đổi mới phương thức quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển công nghệ chiến lược quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
V	PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI, KHAI THÁC HIỆU QUẢ KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN MỚI, LẤY ĐÔ THỊ LÀM ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				
42	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu, thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường, đầu tư; tập trung hoàn thiện, nâng cao hiệu quả Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2026 - 2027	
43	Xây dựng hệ thống bản đồ số về đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường		2026 - 2027	
44	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các đặc khu, đảo như Phú Quốc, Côn Đảo, Vân Đồn, Vân Phong, Côn Cò, Lý Sơn, Hòn Khoai...	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
45	Các công trình hạ tầng quan trọng về giao thông, năng lượng, hạ tầng số, thủy lợi và phòng chống thiên tai đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố			

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
VI	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỰC HIỆN TIỀN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI; QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG; TẬP TRUNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN VÀ SỨC KHỎE CỦA NHÂN DÂN				
46	Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
47	Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ
48	Xây dựng Đề án về phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
49	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế, số sức khỏe điện tử của người dân	Bộ Y tế	Các tỉnh, thành phố	Nhiệm vụ thường xuyên	
50	Xây dựng Đề án từng bước thực hiện chính sách miễn viện phí theo lộ trình, đối tượng ưu tiên trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế phù hợp với tăng mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định	Bộ Y tế		2028	Thủ tướng Chính phủ
51	Xây dựng chính sách lao động, việc làm để thích ứng với vấn đề già hóa dân số nhanh	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
VII	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				
52	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Quốc hội

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
53	Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Quốc hội, Chính phủ
54	Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
55	Xây dựng Đề án xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
56	Xây dựng Đề án Phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
57	Xây dựng Đề án phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung và trung du, miền núi phía Bắc	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
58	Xây dựng Đề án bảo đảm an ninh môi trường	Bộ Công an	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
VIII	TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH; XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, CÔNG AN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG, CHÍNH QUY, TINH NHUỆ, HIỆN ĐẠI; BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA				
59	Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới	Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
60	Chiến lược bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong kỷ nguyên số	Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
61	Xây dựng Đề án bảo đảm an ninh trên các không gian, lĩnh vực mới (không gian tầm thấp, không gian vũ trụ, không gian ngầm)	Bộ Công an	Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
62	Xây dựng Đề án phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực an ninh, trật tự và quản lý nhà nước, quản trị xã hội về an ninh, trật tự	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
63	Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
64	Một số chương trình, đề án về quốc phòng, an ninh; phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, hạt nhân, bán dẫn, chuyển đổi số trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công nghiệp quốc phòng, an ninh	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an		2026 - 2030	Theo thẩm quyền
IX	ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, SÁNG TẠO HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG, TOÀN DIỆN, HIỆU QUẢ				
65	Thực hiện theo Nghị quyết số 153/NQ-CP, ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026-2030	Theo thẩm quyền
66	Rà soát, đơn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	Nhiệm vụ thường xuyên	
67	Triển khai Đề án về việc Việt Nam đảm nhiệm cương vị thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2026-2028.	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026 - 2028	
68	Tăng cường công tác đối ngoại phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026-2030	Theo thẩm quyền
69	Phát huy nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành	2026-2030	Theo thẩm quyền

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
X	ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG, PHỤC VỤ NHÂN DÂN; NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ XÃ HỘI; KIÊN QUYẾT, KIÊN TRÌ ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC, THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ				
70	Thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
71	Tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
72	Xây dựng, điều chỉnh Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI và Chương trình lập pháp, bảo đảm thể hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung cần thể chế hóa từ chủ trương, đường lối của Đảng	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ
73	Phát triển và vận hành hiệu quả Công pháp luật quốc gia	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
74	Chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Bộ Chính trị, Đảng ủy Chính phủ
75	Xây dựng Đề án hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
76	Xây dựng Đề án thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Chính phủ
77	Xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
78	Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
79	Xây dựng Đề án hoàn thiện tiêu chí và các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ người làm công tác xây dựng thể chế, pháp luật	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
80	Xây dựng Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; nghiên cứu cơ chế tạo sự liên thông giữa khu vực công và khu vực tư	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	Tháng 4/2027	Ban Chấp hành Trung ương Đảng
81	Xây dựng Đề án thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin hai chiều giữa Nhà nước và người dân, thông qua các nền tảng số, các công cụ lấy ý kiến Nhân dân	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2027	Thủ tướng Chính phủ
XI	NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH QUỐC GIA, ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN				
82	Quản lý, điều hành NSNN hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính quốc gia. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước. Xây dựng mức bội chi NSNN hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia trong phạm vi cân đối NSNN.	1. Bộ Tài chính đầu mối, chủ trì 2. Các Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện nhiệm vụ thu, tiết kiệm chi thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
83	Xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm nguồn thu cho NSNN, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế, bảo đảm tính trung lập của hệ thống thuế.	Bộ Tài chính	Bộ, cơ quan, địa phương và các đơn vị có liên quan	2026 - 2030	Theo thẩm quyền

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
84	Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của NSNN.	Các cơ quan đại diện chủ sở hữu, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước	Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan, địa phương	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
85	Đối với chính sách đặc thù tài chính - NSNN của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu NSNN. Không quy định phân cấp nguồn thu NSNN, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật NSNN, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền).	Các địa phương	Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan liên quan	2026 - 2030	Quốc hội
86	Tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.	Các bộ, ngành, cơ quan, địa phương	Bộ Tài chính, các Bộ, cơ quan liên quan	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
87	Rà soát các vướng mắc trong đầu tư công, sớm tổng kết và đánh giá nguồn lực đầu tư công, trên cơ sở đó nghiên cứu hợp nhất Luật Đầu tư công với Luật NSNN	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, cơ quan, địa phương	2026 - 2030	Theo thẩm quyền
88	Triển khai áp dụng hiệu quả Luật Quản lý nợ công, tăng cường quản lý rủi ro nợ công, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng và báo cáo thông tin nợ công, phấn đấu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia có xếp hạng tín nhiệm đầu tư. Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức vay, kỳ hạn vay, thời điểm vay và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho NSNN, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng trong thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công, thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ.	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, cơ quan có liên quan	2026 - 2030	Theo thẩm quyền

TT	NHIỆM VỤ CỤ THỂ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI HẠN THỰC HIỆN	CẤP TRÌNH/ PHÊ DUYỆT
89	Về bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030: các Bộ, cơ quan, địa phương bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó tập trung ưu tiên bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các dự án liên vùng của các địa phương. Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là 10%; giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025.	Bộ Tài chính	Các Bộ, cơ quan, địa phương và đơn vị có liên quan	2026-2030	Theo thẩm quyền
90	Về bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030: các địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.	Địa phương	Các đơn vị có liên quan	2026-2030	Theo thẩm quyền
91	Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với NSNN để triển khai các dự án lớn.	Các Bộ, cơ quan, địa phương	Các đơn vị có liên quan	2026-2030	Theo thẩm quyền